

Bản án số: 39/2026/HS-ST
Ngày 17-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Miên

Ông Lê Duy Toàn

Thư ký ghi Biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Duyên - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2026/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1998, tại Đồng Nai; giới tính: Nữ; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: **Khu phố A, phường P, tỉnh Đồng Nai**; nơi ở hiện nay: **Khu phố L, phường P, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1973 và bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1978; bị cáo có chồng là ông **Nguyễn Quang L**, sinh năm 1986 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh ngày 07/5/2024; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/11/2025 đến ngày 19/11/2025 thì áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Quang L**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Khu phố L, phường P, tỉnh Đồng Nai**.

Ông **Đỗ Hồng Đ**, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Khu phố L, phường P, tỉnh Đồng Nai**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa được tóm tắt như sau:

Do bản thân có sử dụng ma túy nên khoảng 16 giờ ngày 10/11/2025, **Nguyễn Thị Bích T** điều khiển xe mô tô Honda hiệu SH Mode biển số 93A-169.48 đi từ phòng trọ tại **khu phố A, phường P, tỉnh Đồng Nai** đến khu vực **khu phố E, phường P, tỉnh Đồng Nai** để tìm mua ma túy về sử dụng. Tại đây, **T** gặp 01 người thanh niên tên **Tý M** (không xác định rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua ma túy với số tiền 1.500.000 đồng thì

Tý M đồng ý và đưa cho T 01 gói nylon dạng khóa miết. T bỏ gói nylon vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô đi về. Đến đoạn đường đối diện quán Karaoke “I” thuộc khu phố F, phường P thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang (bút lục 01-02, 475-46, 47-48).

Tại bản Kết luận giám định số 3281/KL-KTHS ngày 17/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Tinh thể màu trắng có trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng là 1,9919 gam (bút lục 88).

Tại bản Kết luận định giám định số 3254/KL-KTHS ngày 14/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine và sản phẩm chuyển hóa của Methamphetamine trong mẫu nước tiểu của Nguyễn Thị Bích T gửi giám định (bút lục 89).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã thu giữ và xác định:

- 01 xe mô tô Honda SH Mode biển số 93AA-169.48 do Nguyễn Thị Bích T đứng tên chủ sở hữu. Ngày 25/10/2025, do cần tiền tiêu xài nên T đã viết giấy bán xe mô tô trên cho Đỗ Hồng Đ nhưng anh Đ chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu (bút lục 95-96). Ngày 10/11/2025, T nói anh Đ cho mượn xe mô tô trên để đi mua sữa cho con, trên đường đi đã điều khiển xe đi mua ma túy, anh Đ không biết (bút lục 43-44). Xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Đỗ Hồng Đ nên Viện KSND khu vực A1 đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh Đ theo quy định.

- 01 điện thoại di động Iphone 14 màu tím, số Imei 1: 354807370929739, Imei 2: 354807370860538 là tài sản hợp pháp của Nguyễn Quang L (chồng của T) đưa cho T sử dụng trước đó do điện thoại T đã bị hư hỏng (bút lục 67-68). Ngày 04/02/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh L là đúng quy định (bút lục 92, 97).

- Số tiền 200.000 đồng bị cáo T dùng để mua sữa cho con, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Số ma túy còn lại sau giám định là 1,7527 gam (một phẩy bảy năm hai bảy) được niêm phong trong 01 phong bì bên ngoài dán giấy niêm phong của Phòng K Công an tỉnh Đ cần tịch thu tiêu hủy.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKS-KV11 ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bích T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như trên và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng trong vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng của vụ án, kết luận giám định chất ma túy và các tài liệu, chứng cứ khác được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở đó đã xác định được: **Nguyễn Thị Bích T** là đối tượng nghiện ma túy nên ngày 10/11/2025 **T** đã sử dụng số tiền 1.500.000 đồng để mua ma túy của đối tượng **Tý M** (chưa rõ nhân thân, lai lịch) bỏ vào túi quần để mang về phòng trọ nhằm mục đích sử dụng dần, trên đường về đến **Khu phố F, phường P, tỉnh Đồng Nai** thì bị Cơ quan công an kiểm tra, bắt giữ. Kết luận giám định là ma túy, có khối lượng 1,9919 gam, loại Methamphetamine.

Hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về cất giữ chất ma túy. Bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ nhận thức về tác hại của hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy sẽ gây ảnh hưởng rất xấu đối với sức khỏe con người và là nguyên nhân gây ra nhiều tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, làm mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; Bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và con bị cáo đang phải điều trị bệnh tim bẩm sinh. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe trong xã hội.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, hiện đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô Honda SH Mode biển số 93AA-169.48 do bị cáo đứng tên chủ sở hữu. Quá trình điều tra, truy tố xác định đây là tài sản hợp pháp của ông **Đỗ Hồng Đ**, Viện kiểm sát đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho ông **Đ** nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- 01 điện thoại di động Iphone 14 màu tím, số Imei 1: 354807370929739, Imei 2: 354807370860538 là tài sản hợp pháp của ông **Nguyễn Quang L** (chồng của **T**). Ngày 04/02/2026, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh Đ** ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho ông **L** nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với số ma túy được hoàn lại sau giám định là 1,7527 gam là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 200.000 đồng của bị cáo **T**, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Bích T** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Bích T** 03 (ba) năm tù, khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 10/11/2025 đến ngày 19/11/2025, bị cáo còn phải chấp hành 02 (hai) năm 11 (mười một) tháng 20 (hai mươi ngày) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án,.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy được hoàn lại sau giám định là 1,7527 gam.

Trả lại bị cáo số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn đồng).

*(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số NK 26/53 ngày 26/3/2026 của giữa **Công an tỉnh Đ** và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Đồng Nai).*

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Nguyễn Thị Bích T** phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cá có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Đồng Nai (2);
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai (1);
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Đồng Nai (1);
- Ủy ban nhân dân phường Phước Bình (1);
- Công an phường Phước Bình (1);
- Người tham gia tố tụng (3);
- Lưu hồ sơ; Văn thư (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Hải